

NATURAL - SOCIAL CONDITIONS IMPACT ON ETHNIC RELATIONS BETWEEN THE VIETNAM - CHINA BORDER TODAY

Pham Dinh Chien

Vietnam Border Academy; Email: phamchien800512@gmail.com

Received: 23/4/2024; Reviewed: 07/5/2024; Revised: 11/5/2024; Accepted: 16/5/2024; Released: 21/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/290>

Cross-border ethnic relations between Vietnam and China are a state of mutual impact and influence between members of an ethnic group with the same name, area of residence, language and unique cultural characteristics; between members of this ethnic group and other ethnic members and between different ethnic groups creates cohesion for communities residing in the Vietnam - China border area. Outstanding features of cross-border ethnic relations between Vietnam and China are trust, cohesion, community attachment between ethnic members and between ethnic groups living in the same area.

Keywords: Ethnic relations; Cross-border; Vietnam; China.

1. Đặt vấn đề

Nước ta là một quốc gia có 54 dân tộc. Các dân tộc trên nước ta là một cộng đồng thống nhất trong đa dạng, cư trú phân tán và đan xen nhau trên mọi vùng, miền đất nước với cơ cấu dân số và trình độ phát triển không đồng đều,... Còn trên địa bàn biên giới Việt Nam - Trung Quốc, nhân dân các dân tộc là lực lượng to lớn, trực tiếp tham gia bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, góp phần giữ vững và tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị giữa hai nước. Cùng với quá trình giao thoa mang tính tự nhiên thì quan hệ tộc người xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc còn chịu tác động từ điều kiện kinh tế - xã hội (KT-XH), nhất là chính sách của Nhà nước.

2. Tổng quan nghiên cứu

Liên quan nội dung nghiên cứu điều kiện tự nhiên - xã hội tác động đến quan hệ tộc người xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã có nhiều tác giả quan tâm, trong đó tiêu biểu là một số nghiên cứu như: *Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội* (Hoa, 2016) được đánh giá là một công trình khoa học đã đề cập đến thực trạng hôn nhân xuyên biên giới của các dân tộc thiểu số (DTTS) ở nước ta trong đó có người Dao. Đây là cuốn sách được hành thành dựa trên kết quả của các lần khảo sát nhiều tỉnh thành trong cả nước thuộc khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia, là những địa bàn đa dạng về thành phần tộc người và văn hóa, đây là địa bàn cư trú lâu đời của hơn 50 DTTS. Hôn nhân xuyên biên giới ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay là vấn đề xã hội tồn tại trong lịch sử và trong quá trình phát triển của các tộc người vùng biên giới. Trên cơ sở khảo sát, đánh giá thực trạng, nhóm tác giả đã đề xuất định hướng và một số giải pháp quản lý hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở các tỉnh miền núi trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay. Tiếp đó là nghiên cứu *Phát huy giá trị văn hóa các dân*

tộc thiểu số ở khu vực biên giới trọng quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia của Bộ đội Biên phòng (Phúc, 2012), đây là công trình khoa học đã đề cập đến các giá trị văn hóa của các DTTS ở khu vực biên giới và những đặc điểm văn hóa của các DTTS có tác động trực tiếp đến chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Cho nên, trong công tác quản lý, bảo vệ biên giới Bộ đội Biên phòng cần phải hiểu được ngôn ngữ, trình độ nhận thức và các loại hình tổ chức xã hội, dòng họ, gia đình của từng dân tộc để vận dụng linh hoạt vào công tác quản lý, bảo vệ biên giới. Từ đó, đưa ra những giải pháp để phát huy các giá trị văn hóa của các DTTS trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia hiện nay của Bộ đội Biên phòng.

Có thể nói, một số nghiên cứu trên là tư liệu đặc biệt giá trị, kế thừa, góp phần giúp tác giả bổ sung, hoàn thiện nội dung bài viết này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở từ góc nhìn nhân học và khoa học liên ngành như xã hội học, văn hóa học, kinh tế học, chính trị học,... Trong phạm vi bài viết này, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản như: phương pháp tổng hợp, điều tra xã hội học, phân tích tài liệu có sẵn để từ đó làm rõ nội dung nghiên cứu này.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái quát chung

4.1.1. Điều kiện địa lý tự nhiên vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Đường biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc dài 1.449,566km, đi qua 7 tỉnh của Việt Nam gồm (Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh), tiếp giáp với 3 tỉnh là Quảng Tây, Vân Nam và Quảng Đông của Trung Quốc. Trong đó, đường biên giới đất liền tiếp giáp chủ yếu với 2 tỉnh Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc. Cấu tạo địa chất, địa hình vùng

biên giới Việt Nam - Trung Quốc chủ yếu là núi cao, hiểm trở, dốc từ Tây sang Đông, có độ cao từ 200m đến hơn 3000m so với mực nước biển. Khí hậu mang đặc trưng của vùng núi đá phía Bắc, mùa hè có gió mùa Tây Nam nóng khô, mưa nhiều, nhiệt độ thường đạt cực đại vào tháng bảy, cực tiểu vào tháng một; mùa đông có gió mùa Đông Bắc lạnh, khô hanh, ít mưa. Thời tiết trong vùng khắc nghiệt, gây nên các hiện tượng cực đoan khô nóng, hạn hán, lũ quét, sương muối ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân. Cùng với yếu tố nhiệt độ cao, hằng năm trong vùng mưa khá lớn, nơi thường có mưa cao nhất là Móng Cái (Quảng Ninh) khoảng trên 2.700mm/năm. Do yếu tố khí hậu nhiệt đới ẩm, mưa nhiều, kết hợp với độ nghiêng của địa hình dốc ra biển đã tạo nên hệ thống sông, suối mật độ khá dày, khoảng từ 1,6 km đến 2,6 km sông, suối trên diện tích 1 km².

Biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc có nhiều tài nguyên, khoáng sản. Đây là vùng có diện tích đất rừng với hàng triệu héc ta, có vai trò đặc biệt quan trọng trong phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển lâm nghiệp hàng hóa. Rừng và thực vật ở đây tuy đã nhiều năm khai thác, nhưng đến nay vẫn còn khá phong phú, đặc biệt là số diện tích rừng tự nhiên, với các rừng cây gỗ như xoan đào, lim, mỡ, xẹt, de. Trong đó, rừng á nhiệt đới trên độ cao gần 3.000m được phân bố chủ yếu ở các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai là các kiểu rừng kín lá rộng, lá kim á nhiệt đới. Những năm gần đây, phong trào trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi núi trọc đã và đang phát triển mạnh. Ở nhiều tỉnh có các mô hình như vườn rừng, vườn đồi kết hợp lấy gỗ với cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi khá thành công, nhất là việc gắn nông nghiệp với lâm nghiệp đã giúp nâng cao hiệu quả sử dụng đất ở hầu hết các địa bàn mà người dân chủ yếu canh tác trên đất dốc.

Như vậy, điều kiện địa lý tự nhiên đã tạo cho vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, có khả năng đa dạng hóa cơ cấu kinh tế trong vùng như công nghiệp khai thác và chế biến, khoáng sản, thủy điện, nông lâm nghiệp nhiệt đới và những sản phẩm cận nhiệt đới, ôn đới, phát triển kinh tế biển và du lịch. Đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc dài hơn một nghìn km, với nhiều cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu quốc gia và các cửa khẩu phụ. Cửa khẩu kết hợp với nhiều chợ đường biên giới, nhiều tuyến đường thông thương thuận lợi cho phát triển thương mại. Trong quá trình hội nhập quốc tế, Nhà nước ta đã có cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm ở miền núi phía Bắc nhằm khai thác lợi thế của vùng. Ngoài ra, vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc còn có các mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới đa dạng, trên tất cả các lĩnh vực của các tộc người ở hai bên đường biên. Vì vậy, để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, vừa phát triển KT-XH, vừa bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, nhiệm vụ hàng đầu mà các địa phương vùng biên giới Việt

Nam - Trung Quốc quan tâm là Nhà nước cần tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mở rộng các hoạt động kinh tế, thương mại với nước láng giềng; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển thương mại cửa khẩu với đảm bảo an ninh biên giới và chủ quyền quốc gia; đặc biệt có chính sách thu hút đầu tư, tạo việc làm có quy mô cho các DTTS trên vùng biên giới phía Bắc, trước hết là nhân dân hai bên đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Những tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên rừng, khoáng sản, diện tích đất đai ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc do điều kiện địa lý tự nhiên tạo ra tuy rất lớn, nhưng việc khai thác sử dụng những tiềm năng đó vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập, nhất là việc bảo đảm diện tích đất canh tác cây lương thực (lúa nước) cho người dân các địa phương trong vùng. *Đất canh tác có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để bảo đảm đời sống đông bào các DTTS* hai bên đường biên, việc giải quyết khó khăn về đất canh tác nông nghiệp và đời sống của người dân nơi đây luôn là vấn đề đặt ra cấp thiết. Tuy nhiên, do khai thác không bền vững nên diện tích đất đá dốc có thể trồng lúa nước và trồng cây lương thực đang có xu hướng giảm dần. Cùng với đó là điều kiện khí hậu phức tạp, đất bị xói mòn nhanh, thoái hóa đất, lũ quét vào mùa mưa, hạn hán vào mùa khô; cơ sở hạ tầng chưa phát triển, hệ thống thông tin liên lạc và truyền thông nghèo nàn; sản xuất chủ yếu tự cung tự cấp, thiếu vốn, tiếp cận thị trường hạn chế; trình độ dân trí chưa cao, thiếu kiến thức về tiến bộ kỹ thuật mới, thiếu sự đa dạng trong các kế hoạch phù hợp với những yêu cầu phát triển của từng địa phương, năng suất cây trồng còn thấp, tỷ lệ đói nghèo của người dân ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc còn cao so với các vùng và tỷ lệ trung bình của cả nước.

Bên cạnh những khó khăn về giải quyết đất canh tác, những lợi thế phát triển KT-XH vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc như: khai thác và chế biến khoáng sản; xây dựng các công trình thủy điện; phát triển cây công nghiệp, dược liệu, các loại rau quả cận nhiệt đới và ôn đới; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm; phát triển kinh tế mậu biên,... chưa được khai thác đúng tiềm năng hiện có, do thiếu những chính sách đặc thù nhằm thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước tìm đến đầu tư, tạo việc làm cho người dân các tộc người thiểu số vùng biên. Vì vậy, thế mạnh về điều kiện địa lý tự nhiên vẫn đang là cơ hội thúc đẩy nhiều tộc người ở đây gia tăng các mối quan hệ dân tộc xuyên quốc gia, nhất là ở lĩnh vực tạo ra thu nhập cho gia đình. Thực tế đó đã tạo ra những khó khăn trong quản lý các mối quan hệ dân tộc qua biên giới, xuyên quốc gia.

4.1.2. Thành phần dân tộc thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Theo kết quả Tổng điều tra dân số năm 2019, kết hợp với khảo sát thực tiễn, cập nhật thông tin từ các công trình nghiên cứu đã công bố cho thấy, vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay có tới 26 dân tộc khác nhau, thuộc các nhóm ngôn

ngữ Việt Mường, Tày - Thái, Hmông - Dao, Hán, Tạng,... cùng sinh sống, trong đó nhiều dân tộc với dân số trên 600 người như: Mường, Tày, Nùng, Thái, Lự, Giáy, Sán Chay, Bô Y, La Chí, Cơ Lao, La Ha, Mông, Dao, Pà Thẻn, Hoa, Sán Diu, Ngái, Hà Nhì, La Hủ, Phù Lá, Lô Lô, Công, Khơ - mú, Xinh Mun, Kháng, Mảng, Pu Páo, Si La. Nếu chỉ tính các dân tộc sinh sống tại chỗ ở vùng biên thì dân tộc Mường, Tày, Thái, Mông, Nùng, Dao và Giáy có dân số cao hơn; một số dân tộc rất ít người như Si La, La Hủ, Mảng, Công (cư trú ở các tỉnh Lai Châu, Điện Biên), Pu Páo (ở tỉnh Hà Giang),...

Theo số liệu Tổng điều tra dân số năm 2019 cho thấy, các dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc chiếm tỷ lệ cao, so với các địa phương có DTTS sinh sống ở Việt Nam. Các tỉnh có DTTS sinh sống chiếm tỷ lệ trên 80% là: Cao Bằng hơn 94%, Hà Giang hơn 86%, Lạng Sơn hơn 83%, Lai Châu hơn 82% và Điện Biên hơn 81%. Thực hiện Luật cư trú mới, hầu hết, các tộc người tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đều có người dân sinh sống ở cả thành thị và nông thôn, nhưng đa số sống ở vùng nông thôn làm nghề nông nghiệp là chính. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các sản phẩm nông nghiệp thường có giá trị thấp và khó tiêu thụ; đặc biệt là vùng miền núi sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp ở trình độ công nghệ thấp càng gặp nhiều khó khăn. Thực tế cho thấy, người dân ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã tiến hành mọi hình thức sinh kế mới để tạo ra nhiều nguồn thu nhập cho gia đình, bất kể là đi làm thuê, hay buôn bán qua biên giới, xuyên quốc gia thông qua các quan hệ tộc người.

4.1.3. Sự phân bố dân cư các dân tộc thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Theo kết quả Tổng điều tra dân số ở nước ta qua các thời kỳ cho thấy, vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc là khu vực sinh sống chủ yếu của nhiều DTTS. Một số dân tộc có số dân cao thường tụ cư ở một số khu vực nhất định như dân tộc Thái định cư chủ yếu ở tỉnh Lai Châu, Điện Biên; dân tộc Tày ở tỉnh Cao Bằng; dân tộc Nùng sinh sống chủ yếu ở các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng. Một số dân tộc khác như Dao, Khơ - mú, Kháng lại sinh sống khá phân tán, sống xen kẽ với nhau trong phạm vi từ cấp xã trở lên. Trong khi, các dân tộc Mông, Hà Nhì, Lô Lô chủ yếu sinh sống ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Đặc biệt, dân tộc Mông phạm vi sinh sống chủ yếu ở các tỉnh từ Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu,... đến miền Tây Thanh Hóa - Nghệ An. Tuy nhiên, do các DTTS có sự khác biệt nhau về ngôn ngữ, mỗi dân tộc có phong tục tập quán, cách sống riêng nên ít sống xen cư với nhau trong cùng một thôn bản. Hiện nay, quá trình thị hóa và thực hiện quyền cư trú, các dân tộc thiểu số lại sống xen kẽ với người Kinh ở trung tâm xã, thị trấn, xung quanh nơi họp chợ, ven đường quốc lộ, thành phố và những nơi phát triển du lịch, trao đổi mua bán, cửa khẩu qua biên giới do đó tình trạng

xen cư giữa người DTTS với người Kinh ngày càng tăng. Song, ở khu vực đường biên giới, vùng rẻo cao vẫn là nơi sinh sống khá tập trung của các dân tộc Mông, Hà Nhì, Lô Lô, Phù Lá, Pu Páo, La Chí, La Hủ, Si La, Công.

Đặc biệt, các DTTS vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc vẫn theo tập quán sinh sống tập trung thành làng bản, một vài nơi có cư trú xen kẽ nhiều dân tộc trong một khu vực. Tuy mỗi dân tộc có cách sống tương đối riêng biệt bởi phong tục và tín ngưỡng của mình, nhưng về cơ bản, các dân tộc cư trú, sinh sống trong mỗi địa phương thuộc vùng biên giới vẫn phát huy được tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống sản xuất, hoạt động xã hội, sinh hoạt văn hóa. Do tác động ngày càng có hiệu quả từ các chính sách phát triển KT-XH của Đảng và Nhà nước ta, nhất là thực hiện chính sách bình đẳng dân tộc, các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc ngày càng có cơ hội giao lưu, học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau.

4.2. Một số kết quả chủ yếu tác động đến quan hệ tộc người xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc

4.2.1. Quan hệ tộc người xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong hoạt động kinh tế

Trong bối cảnh hiện nay, quan hệ trong hoạt động kinh tế xuyên biên giới được thực hiện trên nhiều mặt như trao đổi giống cây trồng vật nuôi, tham gia làm thuê, mượn hoặc thuê đất để canh tác, hỗ trợ nhân lực trong sản xuất, mua bán, trao đổi hàng hóa vẫn được nhiều tộc người hai bên biên giới lựa chọn.

Qua kết quả khảo sát một số hộ người Tày ở xã Ngọc Côn, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng người dân nơi đây đều lấy một số giống rau, lúa, ngô,... của người anh em họ hàng bên Trung Quốc về trồng, vì những cây trồng này phù hợp với đặc điểm khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng của địa phương. Bên cạnh việc trao đổi giống cây trồng, đồng bào các dân tộc thiểu số hai bên biên giới còn học hỏi kinh nghiệm sản xuất lẫn nhau điều đó được thể hiện rõ nhất tại bản người Mông xã Bản Lâu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Qua khảo sát thực tế tính đến tháng 9 năm 2020, diện tích dưa tại xã Bản Lâu là 520 ha, đặc biệt chuối và dưa được trồng chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hóa, không những xóa đói giảm nghèo mà còn làm giàu cho đồng bào người Hmông nơi đây. Ngoài ra, việc trao đổi hàng hóa nông sản, cây trồng, vật nuôi, đồ gia dụng, nông cụ,... giữa cư dân hai bên biên giới cũng được diễn ra thông qua chợ phiên. Để có tiền mua những thứ cần thiết đa số người dân mang bán những sản phẩm mình làm ra hoặc săn bắt, hái lượm từ trong rừng. Để có thu nhập trong gia đình các tộc người thiểu số vẫn duy trì tập quán sản xuất mang tính hàng hóa như nấu rượu, làm bánh hay mở cửa hàng ăn uống. Đây là một trong những yếu tố kích thích việc buôn bán và tìm kiếm việc làm với những đồng tộc bên kia biên giới

Bên cạnh việc mua bán, trao đổi hàng hóa khá phát triển ở nhiều địa bàn thuộc biên giới Việt -

Trung thì vấn đề cư dân biên giới Việt Nam sang Trung Quốc làm thuê được diễn ra khá sôi nổi. Theo Báo cáo tổng kết công tác Biên phòng Điện Biên tháng 9/2020, tổng số người Mông và Hà Nhì ở tỉnh vượt biên đi làm thuê dài ngày tại Trung Quốc là 36 trường hợp, chưa kể số người sáng đi sang làm thuê đến tối lại về nhà; tại tỉnh Lào Cai, từ tháng 01/2020 đến tháng 9/2020, chỉ hai xã Si Ma Cai (huyện Si Ma Cai) và xã Tả Gia Khâu (huyện Mường Khương) có 1.150 người, các tộc người Hmông, Nùng, Giáy,... sang Trung Quốc làm thuê; ở tỉnh Cao Bằng, từ tháng 09/2019 đến tháng 9/2020 có hơn 8.308 lượt người sang Trung Quốc làm thuê, trong đó 5.629 lượt là công dân ở khu vực biên giới của tỉnh Cao Bằng trong số này có khoảng 1/4 số lượt ở lại Trung Quốc làm thuê dài ngày, 3/4 số lượt người đi về trong ngày.

Ngoài đi làm thuê, vấn đề nổi cộm tại biên giới Việt - Trung còn thể hiện ở một bộ phận người dân các tộc người tham gia gánh vác hàng thuê qua đường biên giới, mai mối công việc làm ăn,... làm gia tăng buôn lậu hàng hóa, tăng số lượng người qua lại biên giới trái phép. Vấn đề ở biên giới Việt - Trung là việc người dân Việt Nam sang mượn hoặc thuê đất bên Trung Quốc để sản xuất, làm dịch vụ, trồng cây thuốc phiện,...

Bên cạnh đó, các hoạt động kinh tế truyền thống xuyên quốc gia vẫn gia tăng, như trao đổi cây trồng và vật nuôi, học hỏi kinh nghiệm làm ăn, trợ giúp sản xuất, tiêu thụ sản phẩm,... giữa các hộ kết nghĩa anh em, có họ hàng. Đặc biệt, hoạt động trồng trọt xuyên quốc gia đang phát triển ở nhiều nơi thuộc các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn,... mà điển hình là ở vùng biên giới Việt - Trung thuộc các huyện Mường Khương, Bảo Thắng (Lào Cai) - nơi người Hmông và Dao cho người Trung Quốc thuê đất để trồng chuối, dứa.

4.2.2. *Quan hệ tộc người xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong lĩnh vực xã hội*

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hầu hết các dân tộc vùng miền núi phía Bắc có đồng tộc ở bên kia biên giới đều duy trì các mối quan hệ họ hàng, láng giềng. Với một số dân tộc như người Nùng ở huyện Hà Quảng (tỉnh Cao Bằng), người Thái ở huyện Điện Biên (tỉnh Điện Biên),... các quan hệ ấy đã diễn ra rất lâu đời. Đặc biệt, quan hệ họ hàng đồng tộc của người Mông còn vượt ra ngoài phạm vi cư trú và xuyên quốc gia: từ Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên,... đến Nghệ An - nơi có tộc người Mông đều có các mối quan hệ với đồng tộc ở bên kia biên giới. Nhờ tập quán di cư và quan hệ dòng tộc, người Mông ở các vùng miền và các nước đã tạo được mạng lưới rộng lớn nhằm trao đổi thông tin với nhau từ vùng này đến vùng khác, từ Việt Nam tới Lào, Trung Quốc, Thái Lan,... Các dân tộc như: Tày (Cao Bằng, Lạng Sơn), Hà Nhì (Điện Biên, Lai Châu),... đều có quan hệ đồng tộc xuyên biên giới, nhất là các quan hệ họ hàng, thông gia trên cơ sở các cuộc hôn nhân.

Việc gia tăng hôn nhân xuyên quốc gia là yếu tố

trọng tâm để thiết lập, duy trì mối quan hệ họ hàng, đồng tộc ở các tộc người. Theo báo cáo của cơ quan chức năng tỉnh Cao Bằng từ năm 2015 đến tháng 9/2020 có hơn 1.230 phụ nữ (chủ yếu là người Tày và Nùng) lấy chồng ở Trung Quốc, từ năm 2018 đến tháng 12/2019 có hơn 200 trường hợp; đến tháng 9 năm 2020, chỉ riêng các huyện biên giới tỉnh Lạng Sơn có trên 3.000 người kết hôn xuyên quốc gia, hầu hết là phụ nữ Nùng hoặc Tày ở Việt Nam sang Trung Quốc lấy chồng; còn ở tỉnh Điện Biên, chỉ trong năm 2020, việc kết hôn qua biên giới của người Thái có tới 85 trường hợp.

4.2.3. *Quan hệ tộc người xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong lĩnh vực văn hóa*

Nghiên cứu tại các địa bàn thuộc 07 tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc cho thấy, các mối quan hệ văn hóa xuyên quốc gia vẫn đang diễn ra đối với hầu hết các dân tộc, đặc biệt là các tộc người Nùng, Thái, Mông, Hà Nhì, Lô Lô,... Trong đó, việc qua lại đường biên giới để thăm thân, tham dự các nghi lễ của gia đình, dòng họ và các lễ hội cộng đồng,... đã diễn ra từ lâu đời, nay càng có điều kiện mở rộng thêm không chỉ do có sự thuận lợi về hạ tầng giao thông và thông tin truyền thông, mặt khác do sự gia tăng các cuộc hôn nhân xuyên quốc gia, kết nghĩa anh em và các mối liên kết trong làm ăn,...

Bên cạnh đó, người dân các dân tộc ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc đều ưa thích các sản phẩm văn hóa được cải tiến bằng công nghệ mới của đồng tộc phía bên kia biên giới, như đồ mặc, đồ trang sức, băng đĩa phim ảnh hoặc ca nhạc. Đặc biệt, hầu hết các băng đĩa âm thanh đều phát bằng tiếng dân tộc với đủ loại nội dung cũng như chủ đề không được bất kỳ cơ quan chức năng nào của nước ta kiểm soát, được sản xuất tại Trung Quốc, Mỹ, Thái Lan và nhiều nước khác. Chưa kể tình trạng lớp trẻ nhiều tộc người thiểu số hiện nay còn tải các bài hát, nhạc, phim,... bằng tiếng dân tộc về điện thoại thông qua bạn bè, internet,... Với sự mai một các lễ hội, dân ca dân vũ truyền thống của hầu hết các dân tộc ở phía Việt Nam thì khó tránh khỏi sự tiếp nhận văn hóa ngoại lai từ bên ngoài. Song, vấn đề là âm mưu của nước ngoài trong chiến lược biên giới mềm đối với các dân tộc vùng miền núi phía Bắc trong bối cảnh nền văn hóa quốc gia/chính thống của Việt Nam vẫn chưa thâm nhập ổn định trong đời sống của đồng bào DTTS, ý thức quốc gia Việt Nam vẫn chưa hoàn toàn phổ biến đối với người dân các dân tộc sinh sống nơi đây.

4.2.4. *Quan hệ tộc người xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc tác động đến an ninh, quốc phòng*

Hầu hết, các dân tộc trên tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc có quan hệ gia đình, dòng họ, hôn nhân nên đã tạo thành mạng lưới xuyên quốc gia rất đa dạng. Qua điều tra có khoảng 50% số người được hỏi trả lời rằng, họ có người thân trong gia đình (mẹ, anh chị em), họ hàng đang sinh sống bên Trung Quốc như người Hà Nhì thuộc thôn Lao Chải 1 (xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai). Những năm gần đây, lợi dụng mối quan hệ thân

tộc - tôn giáo của người Hmông xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc một số người Mông từ tỉnh Vân Nam, Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để tuyên truyền và phát triển đạo Tin Lành, đồng thời lôi kéo người Hmông sang Trung Quốc học đạo, nhận kinh sách,... đã gây ra nhiều khó khăn trong công tác quản lý của các cấp, các ngành và nhà nước.

Trong những năm gần đây, trên tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc vẫn xảy ra vấn đề xâm canh, xuất cảnh trái phép, xâm tắng,... vẫn còn diễn ra mặc dù tuyến biên giới này đã được phân giới cắm mốc. Từ năm 2015 đến nay, tình hình an ninh tại các địa bàn biên giới Việt - Trung về cơ bản giữ được sự ổn định bởi lực lượng Biên phòng thường xuyên tuần tra, kiểm soát. Tuy nhiên, tình trạng xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê và lấy chồng vẫn gia tăng chủ yếu là người Hmông, Nùng. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 2019, lực lượng chức năng đã phát hiện 91 trường hợp sang Trung Quốc làm thuê, trong đó có 5 trường hợp bị công an Trung Quốc bắt và thả ngay trong ngày. Trong số này đã bị Công an huyện Hà Quảng (tỉnh Cao Bằng) lập hồ sơ xử lý hành chính 1 vụ và xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 2 triệu đồng.

Trên tuyến biên giới Việt - Trung đã được phân giới cắm mốc và có sự quản lý chặt chẽ của lực lượng Bộ đội Biên phòng và người dân, song vẫn đề xâm tắng, xâm canh,... ở bên này hoặc bên kia đường biên giới vẫn đang tồn tại. Theo kết quả điền dã đầu năm 2015, tại huyện Hà Quảng tỉnh Cao Bằng người dân Trung Quốc đã lấn sang đất Việt Nam với diện tích khoảng 16 km² đề trồng cỏ voi, vấn đề này đã được chính quyền địa phương hai bên biên giới giải quyết. Tuy nhiên, xâm canh vẫn có thể tiếp diễn ở những địa phương khác do phía Việt Nam vẫn có những khu đất chưa được khai thác và sử dụng thường xuyên. Chính vì vậy, xâm tắng, xâm canh,... luôn kéo theo hậu quả về quốc phòng, an ninh vùng biên giới, ảnh hưởng đến quan hệ giữa Việt Nam - Trung Quốc do xâm phạm chủ quyền biên giới quốc gia.

5. Thảo luận

Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia dựa trên cơ chế thị trường hiện đang tạo ra nhiều mối quan hệ mới trong hoạt động kinh tế như: thương mại, tín dụng, thuê mướn lao động,... Đây là những yếu tố mới làm thay đổi tư duy sinh kế cổ truyền ở hầu hết các dân tộc vùng miền núi phía Bắc, tạo ra nhu cầu sản xuất hàng hóa, kích thích phát triển các dịch vụ. Ở những nơi có cơ hội buôn bán thì người dân đã biết kết hợp mở các dịch vụ, phát triển nghề thủ công gia đình, thu gom hàng hóa,... Trên cơ sở quan hệ đồng tộc xuyên quốc gia, nhiều tư thương của các dân tộc tại chỗ đang tăng cường buôn bán qua đường biên giới. Nhờ các mối quan hệ đó, người dân còn chủ động trong việc hưởng dụng các chính sách phát triển của Nhà nước, nhất là chủ động vay vốn để sản xuất hoặc trả chi phí qua lại đường biên giới để tìm kiếm việc làm,...

Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia không chỉ góp phần tạo ra thụ nhập mới, mà còn giúp người dân thay đổi cơ cấu sản xuất, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hóa, tăng cơ hội tiêu thụ sản phẩm,... Kết quả nghiên cứu tại các tỉnh Cao Bằng, Điện Biên, Lào Cai đã chỉ ra rằng, nhiều gia đình ở phía Việt Nam có điều kiện mở rộng quan hệ xuyên quốc gia đều khá giả hơn, nhất là bộ phận người Hmông, Tày, Nùng, Hà Nhì ở những nơi có chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi như trồng chuối, dưa, thảo quả, mía đường, trồng dâu nuôi tằm,... để bán sang Trung Quốc.

Sự mở rộng các mối quan hệ kinh tế xuyên quốc gia cũng làm tăng tần suất qua lại đường biên giới của người dân các tộc người với nhiều mục đích như: thăm thân, trợ giúp sản xuất, kiếm việc làm, buôn bán,... Điều này khiến cho mạng lưới xã hội phong phú hơn. Đồng thời, đem lại cho tộc người ở vùng này có sự hòa hợp hơn về đời sống vật chất, sử dụng song ngữ và đa ngữ, tạo cơ hội để những người đồng tộc và khác tộc ở hai bên biên giới mở rộng giao lưu văn hóa, phát huy tinh đoàn kết hữu nghị vốn có, cùng tham gia bảo vệ đường biên, giữ gìn tài sản và an ninh biên giới.

Trong bối cảnh hiện nay, sự thuận lợi về giao thông và phương tiện thông tin liên lạc hiện đại, các mối quan hệ đồng tộc, thân tộc, họ hàng, kết nghĩa bạn bè, hôn nhân,... xuyên biên giới của một số tộc người, Tày, Nùng, Hà Nhì, Hmông đang làm gia tăng mối liên kết giữa các công đồng đồng tộc nằm sâu trong nội địa và hai bên biên giới Việt - Trung. Đối với một bộ phận người Hmông, đây là vấn đề tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định chính trị - xã hội, quốc phòng, an ninh do có sự xâm nhập của đạo Tin Lành và mối liên kết của nhiều đồng tộc, tổ chức chính trị người Mông ở nhiều quốc gia trên thế giới. Có thể nói, không ít mối quan hệ dân tộc ở một bộ phận nhỏ người Hmông ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay được điều khiển bởi những tổ chức chính trị người Hmông ở nhiều nước trên thế giới nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc gây bất ổn về quốc phòng, an ninh khu vực này.

Từ kết quả nghiên cứu điền dã và qua một số công trình nghiên cứu cho thấy, người dân một số địa phương ở phía Việt Nam, nhất là vùng biên giới Việt - Trung, đôi khi ít chú trọng phát triển từ nội lực mà phụ thuộc vào các doanh nghiệp phía bên kia biên giới về giống cây trồng, vật nuôi, thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tình trạng một bộ phận nhỏ người dân phía Việt Nam không tự phát triển kinh tế gia đình mà phụ thuộc vào các khoản thu nhập bấp bênh từ việc làm thuê, thậm chí bị lợi dụng buôn bán hàng lậu, buôn bán ma túy, phụ nữ và trẻ em, đặc biệt, một bộ phận người dân vượt biên sang Trung Quốc lao động trái phép theo thời vụ,... đây là thực trạng đáng lo ngại. Những vấn đề này đang gây phức tạp cho an ninh quốc gia, nhất là trong việc quản lý nhân khẩu, hộ khẩu và quản lý các mối quan hệ tộc người - dân tộc ngày càng phát triển ở đây.

Tình trạng nhiều sản phẩm văn hóa ngoại lai xâm nhập vào Việt Nam có tác động không nhỏ đến việc giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia. Điều đó đã ảnh hưởng tới nhận thức của người dân đối với chính sách của Đảng và Nhà nước ta về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Bên cạnh đó, các phân tử và các tổ chức chống đối ở trong và ngoài nước luôn tìm mọi cách khai thác triệt để các mối quan hệ dân tộc xuyên quốc gia nhằm phá hoại khối đoàn kết, gây bất ổn định xã hội, nhất là việc tuyên truyền xây dựng “Vương quốc Mông”.

6. Kết luận

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực

thì quan hệ tộc người xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc đang tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn, có thể tác động tiêu cực tới mục tiêu ổn định vùng biên giới và an ninh quốc gia, nhất là công tác quản lý việc đi lại, thăm người thân và hôn nhân xuyên biên giới. Trong đó, nổi cộm là vấn đề hôn nhân xuyên biên giới giữa phụ nữ Việt Nam và nam giới Trung Quốc, trong đó tình trạng lao động người Việt Nam vượt biên trái phép sang Trung Quốc tìm việc làm. Hệ quả là họ không được các cơ quan chức năng bảo vệ. Điều này đã và đang đặt ra vấn đề cần nghiên cứu giải pháp khắc phục một cách căn cơ để vừa thúc đẩy mối quan hệ tộc người xuyên biên giới vừa góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh biên giới quốc gia.

Tài liệu tham khảo

- Cánh, T. Q., & Dũng, N. D. (2022). *Bảo tồn và phát triển một số dân tộc rất ít người ở Việt Nam (Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu...)*. Hà Nội: Nxb. Công an nhân dân.
- Dũng, N. D. (2022). Đồng hành cùng sự phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong bối cảnh hiện nay. *Tạp chí Mặt trận*, số 223 (Tháng 3/2022).
- Dũng, N. D. (2020). Một số yếu tố tác động đến nghèo và giảm nghèo của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc. *Tạp chí Dân tộc*, số 237 (Tháng 12/2020).
- Huyền, N. C., Toàn, H. H., & Bảo, L. V. (2000). *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa dân tộc.

- Hoa, Đ. T. (2016). *Hôn nhân xuyên biên giới và phát triển xã hội*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Nam, L. B. (2011). *Vùng biên giới Việt Trung: giao thoa từ góc nhìn địa văn hóa và tộc người*. Hội thảo quốc tế về phát triển bền vững vùng lưu vực sông Hồng. Lào Cai
- Phúc, T. H. (2012). *Phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia của Bộ đội Biên phòng*. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.
- Tập, P. H. (2017). *Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả vận động đồng bào các dân tộc khu vực biên giới Tây Bắc trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới*. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ TỘC NGƯỜI XUYÊN BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC HIỆN NAY

Phạm Đình Chiến

Học viện Biên phòng

Email: phamchien800512@gmail.com

Nhận bài: 23/4/2024; Phản biện: 07/5/2024; Tác giả sửa: 11/5/2024; Duyệt đăng: 16/5/2024; Phát hành: 21/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/290>

Quan hệ tộc người xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc là trạng thái tác động, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các thành viên trong một tộc người có cùng tên gọi, khu vực cư trú, ngôn ngữ và đặc điểm văn hóa riêng; giữa thành viên tộc người này với thành viên tộc người khác và giữa các tộc người khác nhau tạo nên sự cô kết cộng đồng cư trú trên vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Đặc điểm nổi bật của quan hệ tộc người xuyên biên giới Việt - Trung là lòng tin, sự cố kết, gắn bó cộng đồng giữa các thành viên trong tộc người và giữa các tộc người cùng sinh sống trên địa bàn.

Từ khóa: Quan hệ tộc người; Xuyên biên giới; Việt Nam; Trung Quốc.